

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1028/2022/HNGĐ -ST

Ngày: 07- 9-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

****/- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Cảnh Liêm

Ông Nguyễn Tấn Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương

Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- ***Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:***

Bà Tô Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 874/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm:1991; Địa chỉ: Xóm 4, thôn A, xã P, huyện T, Bình Định (có mặt)

Bị đơn: Anh Võ Văn T1, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Xóm 5, thôn T, xã P, TP. Q, Bình Định (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày: Chị và anh T1 kết hôn ngày 28/5/2010 tại UBND xã P, thành phố Q, tỉnh Bình Định trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến khi chị sinh con đầu lòng vào tháng 3 năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sau khi sinh con chị ở nhà chăm lo cho con nên không làm ra tiền, kinh tế gia đình phụ thuộc vào anh T1. Anh T1 hay uống rượu say, về nhà có lời lẽ xúc phạm và đánh đập chị. Hai bên gia đình hòa giải nên chị cố gắng chung sống với anh T1. Đến khi chị sinh cháu thứ hai thì anh T1 lại thường xuyên ăn nhậu về đánh đập chị nhiều hơn. Chịu không nổi nên chị về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021. Đến tháng 4/2022, chị nộp đơn ly hôn nhưng anh T1 xin chị cho cơ hội để hàn gắn tình cảm, thương các con còn nhỏ nên chị đã rút đơn để anh T1 có cơ hội để sửa đổi bản thân. Tuy nhiên, anh T1 vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Thời gian sống ly thân tình cảm chị dành cho anh T1 đã hết, chị rất sợ khi phải chung sống với anh T1 vì anh nhiều lần đe dọa chị. Do đó, chị cương quyết xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Võ Nguyễn Trúc M, sinh ngày 27/3/2011 và Võ Phúc L, sinh ngày 04/02/2016, sức khỏe bình thường, hiện 02 cháu đang sống với chị; Nếu ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu M và L, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 09/07/2022, bị đơn anh anh Võ Văn T1 trình bày: Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, vợ chồng thường hay tranh cãi vì bất đồng quan điểm. Anh thừa nhận vì tính tình nóng nảy nên khi xảy ra mâu thuẫn anh có đánh chị. Vợ chồng cũng đã ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Anh hứa, nếu chị T cho cơ hội, anh sẽ sửa đổi bản thân. Anh không đồng ý ly hôn vì không muốn con thiếu cha hoặc mẹ

Về con chung: Anh và chị T có 02 người con chung tên Võ Phúc L, sinh ngày 04/02/2016 và Võ Nguyễn Trúc M, sinh ngày 27/3/2011, sức khỏe bình thường, hiện đang ở với chị T. Ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giao cho nhà nội một cháu, và giao cho nhà ngoại một cháu. Anh không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, giao cháu Võ Phúc L và Võ Nguyễn Trúc M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/02 cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T anh T1 kết hôn 28/5/2010 tại UBND xã P, thành phố Q, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh T1 có địa chỉ ở Xóm 5, thôn T, xã P, TP. Quy Nhơn, Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước khi xét xử, Tòa đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, nên việc xét xử vắng mặt bị đơn vẫn được tiến hành theo khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Theo chị T trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2011 cho đến nay, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều khác biệt trong suy nghĩ, quan điểm và lối sống, anh T1 hay uống rượu say về nhà có lời lẽ xúc phạm và thường xuyên đánh đập chị. Từ tháng 12 năm 2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh T1 thừa nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 do không hợp tính tình, anh hay nóng giận nên có đánh chị T nhưng anh không đồng ý ly hôn vì không muốn các con sống thiếu cha hoặc mẹ. Anh T1 xin đoàn tụ nhưng không đưa ra biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân hiện tại.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mục đích của hôn nhân là việc vợ chồng yêu thương, quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chăm lo cho gia đình có cuộc sống hạnh phúc nhưng chị T và anh T1 đã không còn sống chung với nhau từ tháng 12 năm

2021 đến nay, nguyên nhân do anh T1 hay dọa dẫm, xúc phạm và đánh đập chị T, đây là hành vi bạo lực gia đình vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T1 xin đoàn tụ nhưng không đưa ra biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân hiện tại, mặt khác anh T1 vắng mặt tại phiên tòa dù Tòa đã triệu tập đến lần thứ hai, chứng tỏ anh T1 không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh T1 có 02 người con chung tên Võ Phúc L, sinh ngày 04/02/2016 và Võ Nguyễn Trúc M, sinh ngày 27/3/2011. Nếu ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu M và L, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành. Anh T1 yêu cầu giao con chung cho ông bà nội và ông bà ngoại nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con và cũng không cung cấp bản xác nhận thu nhập thực tế.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị T là hoàn toàn chính đáng. Anh T1 yêu cầu giao con cho ông bà nội và ông bà ngoại nuôi dưỡng không được chị T đồng ý và không phù hợp với quy định pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do các bên không thỏa thuận được về việc nuôi con chung sau ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “... trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con;...”. Hiện nay chị T đang có việc làm ổn định tại địa phương, thu nhập và chỗ ở ổn định, đảm bảo quyền lợi, điều kiện cho sự phát triển về thể chất cũng như việc học tập của cháu M và cháu L. Mặt khác, cháu M và cháu L đang trong lứa tuổi rất cần được sự chăm sóc, giáo dục, dạy dỗ trực tiếp của người mẹ và điều đó cũng không làm cản trở tình cảm cha con giữa anh T1 và hai cháu. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu M và cháu L (cháu M có nguyện vọng ở với mẹ) Hội đồng xét xử giao cháu M và cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T1 không trực tiếp nuôi con nên việc chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con với mức mỗi cháu một tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với khả năng thực tế về thu nhập của anh T1, đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho sinh hoạt, học tập và sự phát triển bình thường của các cháu, phù hợp với quy định tại các Điều 110; 116; 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình, anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110; 116; 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn anh Võ Văn T1.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được trực tiếp nuôi các cháu Võ Phúc L, sinh ngày 04/02/2016 và Võ Nguyễn Trúc M, sinh ngày 27/3/2011 cho đến khi các cháu thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Võ Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi các cháu Võ Phúc L, Võ Nguyễn Trúc M mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho mỗi cháu kể từ tháng 9 năm 2022 đến khi các cháu thành niên.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí

hôn nhân gia đình, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004156 ngày 29/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn (Chị T đã nộp xong). Anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T1 vắng mặt tại phiên toà nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Minh Hòa